

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN A  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **384/2022/DS-ST**

Ngày: 06/09/2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Bé;  
2. Ông Trần Văn Bé Ba;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Nguyễn Ái Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa:** không tham gia.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, điểm cầu Hội trường Ủy ban nhân dân thị trấn A xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 233/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2022/QĐXXST-DS ngày 18/8/2022 giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1963.

Địa chỉ: ấp E, xã F, huyện A, Tiền Giang.

Đại diện theo uỷ quyền Lý Nguyễn Huyền D, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã K, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

\* **Bi đơn:** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1950 (có mặt).

Địa chỉ: số 03 Ô 2, khu 1 thị trấn A, huyện A, Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các biên bản hòa giải, đại diện uỷ quyền của ông Nguyễn Ngọc B trình bày:**

Do quen biết nên ngày 27/4/2016 ông B có cho bà C vay số tiền 45.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng, hạn 10 ngày sẽ trả. Ngày 09/5/2016 bà C tiếp tục vay số tiền 50.000.000 đồng và ghi tiếp theo trong biên nhận. Ngày 24/01/2017 bà C có trả cho ông được 20.000.000 đồng và ngưng không trả nữa. Việc trả số tiền 20.000.000 đồng không có biên nhận. Nay ông B yêu cầu bà C phải trả số tiền vốn là 75.000.000 đồng, lãi suất theo Ngân hàng qui định 11,5%/năm tính từ ngày 24/01/2017 tạm tính

đến ngày 06/6/2022 là 47.524.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 122.524.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

**\* Bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:** Bà thừa nhận có nợ ông B số tiền vốn vay là 95.000.000 đồng, bà có viết biên nhận và ký tên. Sau đó bà có trả được 20.000.000 đồng, còn nợ lại 75.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn, làm ăn thua lỗ nên không trả tiền được cho ông B. Bà đồng ý trả số tiền vốn là 75.000.000 đồng, lãi tạm tính từ tháng 01/2017 đến tháng 6/2022 là 47.524.000 đồng, tổng cộng là 122.524.000 đồng nhưng cho bà trả dần hàng tháng 1.000.000 đồng.

**\* Tại phiên tòa,** chị Lý Nguyễn Huyền D nhưng vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị C phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ngọc B số tiền vốn là 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng), do bà C khó khăn nên thay đổi lãi suất 0,83%/tháng tính từ 24/01/2017 đến tòa án xét xử là tháng 09/2022 là 68 tháng thành tiền là 42.330.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 117.330.000 đồng (một trăm mười bảy triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị C thống nhất còn nợ ông B số tiền vốn 75.000.000 đồng và đồng ý trả lãi cho ông B 42.330.000 đồng. Nhưng do hoàn cảnh quá khó khăn, lớn tuổi không khả năng trả theo yêu cầu của ông B, bà xin trả dần hàng 1.000.000 đồng cho ông B đến khi hết số nợ nêu trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc B kiện bà Nguyễn Thị C phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông số tiền 75.000.000 đồng nên xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản” tại Điều 463 Bộ luật dân sự và thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Về các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự và căn cứ giải quyết vụ án:

Qua lời trình bày tại phiên tòa và căn cứ vào các biên bản hòa giải, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa ông B và bà C là bà con và có xác lập quan hệ vay mượn tiền, vào ngày 27/4/2016 ông B có cho bà C vay số tiền 45.000.000 đồng, có làm biên nhận, thời hạn vay là 10 ngày, không thỏa thuận lãi suất, đến ngày 09/5/2016 bà C vay tiếp số tiền 50.000.000 đồng, mục đích đáo hạn Ngân hàng lần vay này cũng không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn vay, khi cần tiền ông B sẽ báo cho bà C 30 ngày. Đến đầu năm 2021 ông B hay tin bà C được đền bù giải toả bờ kè thị trấn A nên có thông báo yêu cầu bà C trả tiền nhưng bà C không thực hiện mà hèn lười và né tránh, như vậy bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho ông B. Việc không

trả tiền như thỏa thuận của bà C đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông B. Nay ông B khởi kiện yêu cầu bà C phải trả số tiền 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng), lãi suất 0,83%/tháng tính từ tháng 01/2017 đến toà án xét xử là tháng 09/2022 là 68 tháng thành tiền là 42.330.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 117.330.000 đồng là phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với bà Nguyễn Thị C trình bày cho rằng bà thừa nhận có vay tiền ông B hai lần tổng số tiền 95.000.000 đồng, đến đầu năm 2017 bà trả được 20.000.000 đồng, còn lại 75.000.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn, làm ăn thua lỗ nên không có khả năng trả tiền như yêu cầu khởi kiện của ông B, bà xin trả dần hàng tháng là 1.000.000 đồng đến khi hết số tiền nợ trên, xét thấy lời trình bày của bà C là không có cơ sở, bởi số tiền này bà nợ ông B đã quá lâu, gây ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông B, đồng thời tại toà, chị Huyền D đại diện uỷ quyền của ông Nguyễn Ngọc B không đồng ý cho bà C trả dần hàng tháng 1.000.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử cần buộc bà C phải có nghĩa vụ trả cho ông B số tiền vốn 75.000.000 đồng, lãi 42.330.000 đồng. Tổng cộng là 117.330.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên được hoàn tiền tạm ứng án phí. Bị đơn bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng do bà C trên 60 tuổi, căn cứ vào điểm đ, khoản 1, Điều 12, Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí cho bà.

Vì các lẽ trên;

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ vào điểm đ, khoản 1, Điều 12, Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 án phí, lệ phí Tòa án

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc B.

1. Buộc bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ngọc B số tiền vốn 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng), lãi là 42.330.000 đồng (bốn mươi hai triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 117.330.000 đồng (một trăm mười bảy triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).

Trường hợp bà Nguyễn Thị C chậm thi hành án số tiền nêu trên cho ông B thì bà C phải tiền lãi tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng do bà C trên 60 tuổi, căn cứ vào điểm đ, khoản 1, Điều 12, Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí cho bà.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Ngọc B số tiền tạm ứng án phí 3.063.000 đồng (ba triệu không trăm sáu mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu số 0024862 ngày 17/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm..

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TANDTTG.
- VKSNDHCG.
- Chi cục THADSHCG.
- Các đương sự.
- Lưu.

(ĐÃ KÝ)

**Nguyễn Thị Ánh Hồng**